

Số: *114* /BC-UBND

Thái Bình, ngày *20* tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận
huyện Quỳnh Phụ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019.**

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc Ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ban hành Quy định về Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và cách đánh giá Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành Hướng dẫn đánh giá tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của UBND tỉnh Thái Bình về việc thành lập Đoàn thẩm tra cấp tỉnh thẩm tra, đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019;

Theo đề nghị của UBND huyện Quỳnh Phụ tại Tờ trình số 265/TTr-UBND ngày 23/8/2019 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Quỳnh Phụ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019;

Trên cơ sở báo cáo thẩm tra của các sở, ngành phụ trách tiêu chí, hồ sơ đề nghị thẩm tra huyện nông thôn mới Quỳnh Phụ; Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới cho huyện Quỳnh Phụ năm 2019, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Quỳnh Phụ đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành Hướng dẫn đánh giá tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2019-2020. Cụ thể hồ sơ gồm:

- Công văn số 2040/UBND-NNTNMT ngày 24/5/2019 của UBND tỉnh về việc xác nhận huyện Quỳnh Phụ đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019;
- Tờ trình số 265/TTr-UBND ngày 23/8/2019 của UBND huyện Quỳnh Phụ về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận huyện Quỳnh Phụ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019;
- Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ;
- Báo cáo số 281/BC-UBND ngày 22/8/2019 của UBND huyện Quỳnh Phụ về kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2019 của huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình;
- Báo cáo số 283/BC-UBND ngày 22/8/2019 của UBND huyện Quỳnh Phụ về tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới của huyện Quỳnh Phụ;
- Biên bản cuộc họp ngày 22/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ về việc đề nghị xét, công nhận huyện Quỳnh Phụ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019;
- Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ giai đoạn 2011-2019 và giải pháp xử lý;
- Video clip và ảnh minh họa một số kết quả chủ yếu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

2.1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của UBND tỉnh Thái Bình)

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 36 xã ;
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 36 xã;
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

2.2. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

(theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

a) Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

* **Yêu cầu:** Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014; được công bố công khai và có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

*** Kết quả thực hiện tiêu chí**

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Phụ đến năm 2040 đã được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt nhiệm vụ tại Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 với phạm vi quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính huyện Quỳnh Phụ, tổng diện tích là 20.998,5ha.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Phụ được lập theo đúng trình tự, thủ tục; đồ án đã được Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ tổ chức họp và thông qua. Nội dung đồ án được lập đảm bảo các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo.

Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Phụ đến năm 2040 được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt. Ngay sau khi quy hoạch được phê duyệt, UBND huyện tổ chức hội nghị công bố quy hoạch; đồng thời hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt; Ban hành quy chế quản lý quy hoạch; Chỉ đạo các ngành chuyên môn tiến hành niêm yết công khai quy hoạch tại trụ sở UBND huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch huyện, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử huyện, phát liên tục trên Đài phát thanh huyện theo đúng quy định để người dân, các tổ chức liên quan biết và thực hiện.

*** Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.**

b) Tiêu chí số 2 về Giao thông

*** Yêu cầu**

Đường bộ:

- Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%.

- Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

- Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

Đường thủy (nếu có): Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

*** Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Về đường bộ:

+ Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%.

Hiện trạng trên địa bàn huyện có các tuyến đường cao tốc Thái Hà (dài 4,6 km), Quốc lộ 10 (dài 11 km), đường tỉnh (396B, 455, 452) đều đạt tiêu chuẩn đường cấp III trở lên và đường huyện (có 19 tuyến với chiều dài 89 km) đã đảm bảo ô tô đi lại quanh năm và kết nối với trung tâm hành chính tất cả các xã trên địa bàn huyện. Để kết nối với hệ thống đường cao tốc, đường quốc lộ, đường tỉnh, trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ được quy hoạch 19 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 89 km

được nhựa hóa 100%, đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005, cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt và được bảo trì hàng năm.

+ *Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt; Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.*

19 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 89 km được đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch được duyệt, quy mô mặt đường cấp VI đến cấp IV đồng bằng, kết cấu mặt đường nhựa hóa, bê tông xi măng theo tiêu chuẩn quy định. Các tuyến đường đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới các trung tâm hành chính các xã trên địa bàn.

Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố (22 cầu và 14 cống kết cấu bê tông cốt thép) đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế và phù hợp cùng với cấp kỹ thuật của đường khai thác, đảm bảo an toàn giao thông, phục vụ tốt cho đi lại và lưu thông hàng hóa của nhân dân.

+ *Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.*

Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ đều bố trí lực lượng, kinh phí để quản lý, bảo trì 100% km đường do huyện quản lý.

- Về đường thủy:

Trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ có 02 tuyến sông (sông Luộc, sông Hóa) do Trung ương quản lý đều được lắp đặt hệ thống phao tiêu, biển báo, báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Huyện Quỳnh Phụ không có tuyến đường thủy nội địa do địa phương quản lý. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá (8 bến khách ngang sông, 10 cụm bến hàng hóa) được cấp phép hoạt động và đảm bảo các điều kiện về an toàn.

- Vận tải:

+ *Bến xe khách tại trung tâm huyện tối thiểu đạt loại 4:*

Huyện Quỳnh Phụ quy hoạch 01 bến xe khách tại xã Quỳnh Hưng đảm bảo đạt chuẩn bến xe loại 4.

+ *Bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch:*

Bến xe khách trung tâm huyện có lộ trình đi từ bến xe trung tâm huyện tới các bến xe khách tỉnh theo ĐT.396B, ĐT.455, ĐT.452, QL10. Hiện nay đều bố trí các điểm dừng dọc các tuyến vận tải hành khách công cộng. Trên các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện lộ, đường xã đã được lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo giao thông theo quy định, được kiểm tra sửa chữa, thay thế thường xuyên.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

c) Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

**** Yêu cầu:***

- Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả, bền vững (hoặc có chi nhánh thủy lợi): Được thành lập theo quy định hiện hành; Quản lý khai thác hệ thống thủy lợi theo đúng kế hoạch được duyệt, bảo đảm điều

hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý; Có phương án và thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi được duyệt.

*** Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ do Xí nghiệp KTCTTL huyện Quỳnh Phụ trực thuộc Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Thái Bình và 45 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp quản lý vận hành và khai thác gồm: 25 cống dưới đê (15 cống dưới đê chính, 10 cống dưới đê bồi); 7 tuyến sông trục cấp I (dài 79,4km); 58 tuyến sông trục cấp II (dài 198,3km); 292 tuyến sông trục cấp III (dài 271,664 km); Hệ thống công điều tiết liên xã gồm 80 cống do Xí nghiệp KTCTTL huyện Quỳnh Phụ quản lý; 256 trạm bơm (13 trạm bơm do Xí nghiệp KTCTTL thủy lợi huyện Quỳnh Phụ quản lý, vận hành khai thác; 243 trạm bơm do các Hợp tác xã DVNN quản lý, vận hành khai thác); Tỷ lệ kênh mương do xã quản lý đã kiên cố hóa là 195,297km, đạt 100% tổng số km kênh mương cần kiên cố hóa.

Hệ thống thủy lợi của các xã được thiết kế và xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi chung của huyện đảm bảo tưới, tiêu cho 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp (14.500ha), đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai và đời sống dân sinh.

Các hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ được xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi của tỉnh Thái Bình

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả, bền vững.

Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Quỳnh Phụ (thành lập theo Quyết định số 238/QĐ-CTKTCTTLB ngày 09/7/2010 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Thái Bình). Hàng năm, Xí nghiệp và các địa phương đã chủ động hoàn thành công tác bảo trì các công trình thủy lợi bảo đảm điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý. Thực hiện Đề án sản xuất vụ Xuân, vụ Hè, vụ Mùa, vụ Đông được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm, huyện Quỳnh Phụ đã chỉ đạo các xã, các HTX DVNN chủ động xây dựng phương án điều tiết nước phù hợp với Đề án và phương án điều hành hệ thống của Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Thái Bình. Các công trình thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ có quy trình vận hành công trình và phương án bảo vệ công trình thủy lợi được phê duyệt.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

d) Tiêu chí số 4 về Điện

* **Yêu cầu:** Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

* **Kết quả thực hiện tiêu chí:** Toàn huyện có 390 trạm biến thế; 305,89 km đường dây trung áp, 1.069,35 km đường dây hạ áp. 100% số xã có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; 95.902 hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn, đạt 100%. Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp đầu tư liên xã đảm bảo đạt thông số kỹ thuật, an toàn điện theo quy định tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công thương về phương pháp đánh giá thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, đảm bảo đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công thương quy định về hệ thống lưới điện phân phối.

Hệ thống điện trên địa bàn huyện được đầu tư giai đoạn 2016-2020 phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2016-2020.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

e) Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa – Giáo dục

**** Yêu cầu:***

- *Y tế:* Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

- *Văn hóa:* Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

- *Giáo dục:* Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn $\geq 60\%$.

**** Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Về Y tế

+ Trên địa bàn huyện có 02 bệnh viện: Bệnh viện Đa khoa Phụ Dục đã được công nhận bệnh viện hạng 3; Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Côi đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 2;

+ Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn Quốc gia (tương đương bệnh viện hạng 3); Trung tâm Y tế huyện đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế. Trung tâm đã được UBND tỉnh xếp hạng III, được công nhận đạt “Chuẩn quốc gia giai đoạn đến năm 2020” tại Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh.

- Về văn hóa

Trong những năm qua, Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện và các công trình thể dục, thể thao của huyện đã được đầu tư xây dựng phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị của huyện, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí của nhân dân.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện: Diện tích đất được quy hoạch và đang sử dụng là 5.000 m² (diện tích hoạt động trong nhà là 1.300 m², diện tích hoạt động ngoài trời là 3.700 m²) và các công trình phụ trợ. Hội trường đa năng với quy mô 450 ghế ngồi được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, âm thanh, ánh sáng, điều hòa không khí, chống ồn, phòng màn, bục phát biểu, tượng Bác,... đáp ứng được yêu cầu tổ chức các sự kiện văn hóa - chính trị - xã hội của huyện.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện được công nhận đạt chuẩn theo tiêu chí Quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 và Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Khu thể thao của huyện gồm: Sân vận động huyện có diện tích 16.800 m²; 01 bể bơi có diện tích 1.500 m², nhà tập luyện thể thao gồm 2 phòng chức năng diện

tích 500 m² đáp ứng nhu cầu tổ chức sự kiện văn hóa, thể thao và các hoạt động ngoài trời. Các công trình được thiết kế, xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn, phục vụ tốt các hoạt động thi đấu, luyện tập thể dục, thể thao cho vận động viên và nhân dân.

- **Về giáo dục:** Từ năm 2010 đến nay, các trường THPT trên địa bàn huyện đã được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, tu bổ CSVC, các phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, tăng cường các trang thiết bị, đồ dùng dạy học,... Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường có trình độ tiêu chuẩn cao; Chất lượng dạy học có nhiều chuyển biến tốt. Hoàn thiện, duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí về trường đạt chuẩn quốc gia, đã đáp ứng yêu cầu về quy định trường THPT đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ có 5 trường THPT (Quỳnh Côi, Quỳnh Thọ, Nguyễn Huệ, Phụ Dực, Trần Hưng Đạo); trong đó tính đến tháng 9/2019, toàn huyện có 3/5 trường THPT được công nhận đạt chuẩn bằng 60% số trường đạt chuẩn Quốc gia (trường Quỳnh Côi được công nhận tại Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của UBND tỉnh; trường Phụ Dực được công nhận tại Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh; trường Quỳnh Thọ được công nhận tại Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của UBND tỉnh).

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

g) Tiêu chí số 6 về Sản xuất

* ***Yêu cầu:*** Huyện đạt chuẩn tiêu chí về sản xuất khi đáp ứng 01 trong 2 điều kiện sau:

- Điều kiện 1: Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, đảm bảo:

+ Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

+ Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững;

+ Các khâu sản xuất trồng trọt được cơ giới hóa đồng bộ; các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Điều kiện 2: Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch. Mô hình liên kết thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

+ Có hợp đồng thu mua sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân với doanh nghiệp, thời gian thực hiện hợp đồng ổn định từ 02 năm trở lên.

+ Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của nông dân và cung ứng các yếu tố đầu vào, vốn, kỹ thuật để đạt được sản lượng, chất lượng nông

sản theo yêu cầu của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông nghiệp cho nông dân.

*** Kết quả thực hiện tiêu chí:** Kết quả tiêu chí sản xuất của huyện đáp ứng Điều kiện 2: Về lĩnh vực trồng trọt, huyện lựa chọn cây lúa là cây trồng chủ lực; các mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm đối với các sản phẩm là cây lúa đảm bảo sản lượng tiêu thụ đạt trên 10%; lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản cơ bản tiêu thụ tự do cho thị trường trong và ngoài tỉnh.

Về trồng trọt: Địa phương đã quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp chủ lực của huyện: vùng chuyên canh cây màu, cây vụ đông, vùng chuyên trồng lúa,... đến nay toàn huyện đã xây dựng 23 cánh đồng mẫu gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (với tổng diện tích 1.500,27 ha sản xuất cây màu và lúa giống BC15, TBR225). Công tác tích tụ ruộng đất được tập trung chỉ đạo (có 14 xã có diện tích tích tụ quy mô từ 2 ha trở lên với tổng diện tích là 219,4 ha). Việc ứng dụng tiến bộ khoa học và áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất được chú trọng: toàn huyện hiện có 507 máy cày đa năng cỡ lớn và cỡ trung, 1.258 máy làm đất cỡ nhỏ và 196 máy gặt đập liên hợp, 117 máy lên luống, 24 máy cấy, 14 kho lạnh,... đã giải quyết cơ bản khâu làm đất, 90% khâu thu hoạch... giúp giảm chi phí sản xuất cho nhân dân.

Các giống cây trồng dài ngày, năng suất và chất lượng thấp được thay thế bằng các giống có chất lượng, giá trị kinh tế cao. Phong trào về sản xuất cây vụ đông trên đất 2 lúa ngày càng phát triển, luôn đạt kế hoạch tỉnh giao (cả về diện tích và hiệu quả kinh tế). Diện tích cây vụ đông tăng qua các năm: vụ đông năm 2016-2017 đạt 6.501,1 ha, vụ đông 2018-2019 đạt 6.505,62 ha (chiếm 54,2% diện tích canh tác). Các cây trồng có giá trị kinh tế cao được duy trì ổn định qua các năm như ớt, ngô, dưa, bí,...

Về chăn nuôi: Ngành chăn nuôi được mở rộng quy mô theo hướng công nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hóa, quy mô lớn. Cơ cấu đàn vật nuôi thay đổi rõ rệt: đàn lợn phát triển mạnh lợn nái ngoại, lợn siêu nạc; đàn bò lai Sind thay thế đàn bò địa phương; đàn gia cầm tăng nhanh dòng siêu thịt, siêu trứng,...

Về nuôi trồng thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản của huyện 1.050 ha, trong đó có 3 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại xã An Ninh, An Thanh, An Mỹ. Sản lượng thủy sản hàng năm đạt trên 5.000 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 4.500 tấn. Ngoài hình thức nuôi truyền thống trong ao, hồ, nhiều hộ đã đầu tư nuôi thủy sản theo hình thức lồng, bè với số lượng 337 lồng, tập trung tại một số xã Quỳnh Ngọc, Quỳnh Hoàng, Quỳnh Hoa...

Về liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm

Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết, hình thức Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp đứng ra ký hợp đồng với các Công ty bao tiêu sản phẩm cho nông dân theo hình thức chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (đạt trên 10% tổng sản lượng toàn huyện). Trong đó, doanh nghiệp và các Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của nông dân và cung ứng các yếu tố đầu vào, vốn (giống và một phần phân bón), kỹ thuật để đạt được sản lượng, chất lượng nông sản theo yêu cầu. Một số công ty chuyên ký kết tiêu thụ nông sản trên địa bàn như: Công ty CP chế biến NSTP xuất khẩu Hải Dương (xuất khẩu ngô ngọt, dưa chuột, ớt,...), Công ty CP giống cây trồng Thái Bình (sản xuất lúa giống),...

*** Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.**

h) Tiêu chí số 7 về Môi trường

*** Yêu cầu:**

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.
- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

*** Kết quả thẩm tra:**

- Về hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện:

Huyện đã ban hành Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 về việc phê duyệt đề án Quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện, giai đoạn 2019-2025.

Về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt: Toàn huyện có 38/38 xã, thị trấn (đạt 100%) có mô hình tự quản vệ sinh môi trường với 121 tổ, đội thu gom xử lý với 530 người trực tiếp tham gia; công tác thu gom, xử lý rác thải hoạt động có hiệu quả, các địa phương đã xây dựng được quy chế thu gom, xử lý rác thải; công tác quản lý về môi trường đi vào hoạt động nề nếp, hiệu quả; lượng rác thải sinh hoạt phát sinh 139,32 tấn/ngày đã được thu gom từ nơi phát thải đến các khu xử lý tại các địa phương (bình quân 01 ngày 128,17 tấn, đạt 91,87%).

Toàn huyện có 6 lò đốt rác được UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng xử lý rác cho 7 xã; có 1 nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tập trung do Công ty cổ phần Thương mại Thành Đạt làm chủ đầu tư (công suất 50 tấn/ngày), hiện tại Công ty đã ký hợp đồng xử lý rác sinh hoạt cho 16 xã, thị trấn trong huyện; 16 xã còn lại đang xử lý rác thải theo mô hình chôn lấp đảm bảo vệ sinh môi trường. Các vị trí của khu xử lý rác thải đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng: Hiện có 38/38 địa phương trong huyện đã thực hiện việc lắp đặt các bể để tập kết thu gom vỏ bao, bình thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, tỷ lệ thu gom trung bình trên toàn huyện ước đạt 74,6%.

Đối với chất thải rắn y tế: Huyện Quỳnh Phụ có 2 bệnh viện, 01 trung tâm y tế, 38 trạm y tế và 56 cơ sở khám chữa bệnh; khối lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các bệnh viện và trạm y tế trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ khoảng 485,6 kg/ngày, trong đó chất thải rắn sinh hoạt khoảng 402kg/ngày chiếm khoảng 82,8% tổng chất thải rắn y tế, chất thải rắn y tế nguy hại khoảng 83,6 kg/ngày chiếm khoảng 17,2 % tổng chất thải rắn y tế phát sinh. Đối với 2 bệnh viện huyện, hiện tại chất thải được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng, giấy phép để xử lý theo quy định; tại các trạm y tế xã rác thải được thu gom và đốt tại cơ sở bằng lò đốt thủ công; các cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện việc thu gom, lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Về chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài cụm công nghiệp, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cơ sở y tế.

Về cơ sở sản xuất kinh doanh: Tổng số có 220 cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường, đến nay 100% cơ sở đã có thủ tục môi trường được cấp thẩm quyền phê duyệt, xác nhận theo quy định với các ngành nghề chủ yếu như: gia công hàng may mặc, da giày, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh, vật liệu xây dựng không nung, kinh doanh nước sạch, chế biến lương thực. Các doanh nghiệp trên

địa bàn huyện đã thực hiện nghiêm túc việc nộp phí BVMT đối với xả nước thải công nghiệp.

Về bảo vệ môi trường làng nghề: Làng nghề phát triển trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ chủ yếu là nghề dệt chiếu cói, đan mây tre, đồ gỗ mỹ nghệ, dệt chiếu cói đính hạt cườm, đan lưới, móc túi ni-lon, chế biến lương thực, thực phẩm...sản xuất không tập trung, không thường xuyên. Hiện chỉ còn làng nghề Dụ Đại xã Đông Hải với nghề truyền thống làm bánh đa là duy trì hoạt động thường xuyên và đã có Phương án BVMT làng nghề được phê duyệt theo quy định; các làng nghề đều có tổ vệ sinh môi trường thu gom rác thải theo quy định, các cơ sở hoạt động trong làng nghề đều tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

Về bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp (CCN): Huyện Quỳnh Phụ có 05 CCN gồm: Quỳnh Giao, Quý Ninh, Đông Hải, Quỳnh Côi, Đập Neo (trong đó có 04 CCN đang hoạt động, 01 CCN đang đầu tư xây dựng là CCN Đông Hải). UBND huyện đã lập đề án về xử lý nước thải trong các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện, ban hành Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 phê duyệt đề án khu xử lý nước thải tập trung các CCN trên địa bàn huyện. Trong 3 CCN có nhà đầu tư Hạ tầng là CCN Quỳnh Giao (do Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Trường An làm chủ đầu tư), CCN Đông Hải (do Công ty cổ phần tập đoàn Hương Sen làm chủ đầu tư), CCN Quý Ninh (do Công ty cổ phần đầu tư thương mại địa ốc Capital Holding làm chủ đầu tư) đều thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đầu tư hạ tầng và công trình xử lý nước thải tập trung theo quy định.

CCN Quỳnh Côi và Đập Neo đang tìm nhà đầu tư hạ tầng, UBND huyện đã thuê đơn vị tư vấn lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đối với chất thải rắn các cơ sở đều thực hiện việc thu gom, lưu giữ, xử lý đảm bảo yêu cầu.

Bảo vệ môi trường Khu công nghiệp: Huyện có Khu công nghiệp Cầu Ngàn thuộc quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh (Nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp là Tổng công ty IDICO), khu công nghiệp có báo cáo đánh giá tác động môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có khu xử lý nước thải công nghiệp theo quy định; Các doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp đã chấp hành nghiêm túc pháp luật về bảo vệ môi trường.

*** Đánh mức độ đạt tiêu chí: Đạt.**

i) Tiêu chí 8 về An ninh, trật tự xã hội

*** Yêu cầu:** Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

*** Kết quả thực hiện tiêu chí:** Hàng năm, Huyện uỷ có Nghị quyết, UBND có kế hoạch về công tác ANTT; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Lực lượng công an huyện đã chủ động nắm chắc, dự báo chính xác tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn, qua đó chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai thực hiện các chủ trương, biện pháp công tác, góp phần đảm bảo an ninh trật tự (ANTT) trên địa bàn huyện. Tình hình ANTT trên địa bàn ổn định, phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc phát triển sâu rộng, hiện nay trên địa bàn huyện có 419 mô hình, dòng họ, câu lạc bộ tự quản về ANTT.

Tình hình khiếu kiện: Công an huyện đã chủ động nắm tình hình, tham mưu cho cấp ủy chính quyền chỉ đạo các lực lượng chức năng thanh tra, kiểm tra, giải

quyết các vấn đề phức tạp về an ninh trật tự như việc thực hiện quản lý đất đai, chính sách xã hội, xây dựng cơ bản, xây dựng nông thôn mới,...; chủ động giải quyết những kiến nghị, thắc mắc của quần chúng nhân dân ngay tại cơ sở; phát hiện, chấn chỉnh kịp thời những tồn tại thiếu sót, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp.

Không có tụ điểm phức tạp về TTXH; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế. Năm 2018, Công an huyện đã xử lý 43 vụ việc về ma túy, giảm 10 vụ so năm 2017.

Tình hình tai nạn giao thông tiếp tục được kiểm chế. Năm 2018, trên địa bàn huyện đã xảy ra 12 vụ tai nạn giao thông, giảm 01 vụ so năm 2017.

Ban chỉ huy Quân sự huyện hằng năm thực hiện đạt và vượt kế hoạch chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ. Lực lượng dân quân, tự vệ được xây dựng đúng theo quy định của pháp luật với phương châm “Vững mạnh, rộng khắp”, có số lượng, cơ cấu thành phần và tỷ lệ hợp lý, chất lượng từng bước được nâng cao.

*** Đánh mức độ đạt tiêu chí: Đạt.**

k) Tiêu chí 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

*** Yêu cầu:**

- Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

*** Kết quả thẩm tra:**

- Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện:

+ Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng thí điểm mô hình “nông thôn mới” trong thời kỳ được thành lập tại quyết định số 280-QĐ/HU ngày 27/3/2009 của Huyện ủy Quỳnh Phụ do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban; Phó trưởng ban gồm 02 người: Phó Chủ tịch phụ trách nông nghiệp và Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; Thành viên gồm 11 cán bộ lãnh đạo các cơ quan, ban ngành liên quan.

+ Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM huyện được thành lập tại Quyết định số 3943/QĐ-UBND ngày 13/10/2010 của UBND huyện. Đến nay, được kiện toàn nhiều lần và kiện toàn gần đây nhất tại Quyết định 4021/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND huyện.

+ Ban chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Quỳnh Phụ thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định mục tiêu quốc gia huyện được thành lập và thường xuyên kiện toàn và hoạt động có hiệu quả;

- Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện được thành lập theo Quyết định số 8101/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của UBND huyện Quỳnh Phụ. Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện Quỳnh Phụ do Phó Chủ tịch thường trực UBND huyện làm Chánh Văn phòng, cơ quan thường trực là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sau gần 2 năm đi vào hoạt động, Văn phòng đã thể hiện rõ được vai trò, hiệu quả trong công cuộc xây dựng nông thôn mới của huyện.

*** Đánh mức độ đạt tiêu chí: Đạt.**

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

3.1. Về huy động nguồn vốn:

Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình từ năm 2011 – 2019 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương, vốn lồng ghép, vốn tín dụng, vốn doanh nghiệp hỗ trợ, cộng đồng dân cư đóng góp, nguồn khác (bao gồm cả bằng tiền và ngày công, xi măng tình hỗ trợ quy ra tiền, hiến đất, tài sản) là 1.984,6 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương, tỉnh: 480,3 tỷ đồng, chiếm 20,9 %;
- Ngân sách huyện: 101,7 tỷ đồng, chiếm 4,4 %;
- Ngân sách xã: 352,3 tỷ đồng, chiếm 15,3 %;
- Huy động nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác: 1.050,3 tỷ đồng, chiếm 59,4 %;

3.2. Tình hình nợ đọng XD CB trong nông thôn mới và phương án xử lý:
Căn cứ Luật Đầu tư công và Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tiêu chí xác định nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, theo số liệu báo cáo của UBND huyện Quỳnh Phụ đến ngày 30/6/2019 số nợ xây dựng cơ bản trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 126.914 triệu đồng (cụ thể: Nợ xây dựng cơ bản các dự án do UBND huyện làm chủ đầu tư là 25.646 triệu đồng, UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư là 101.268 triệu đồng).

Phương án trả nợ cụ thể như sau:

Tổng nguồn đã bố trí để trả nợ xây dựng cơ bản trong xây dựng gồm:

- Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của huyện: năm 2019-2020: 53.647 triệu đồng;

- Nguồn vốn ngân sách huyện 18.242 triệu đồng;

- Nguồn vốn ngân sách xã 101.268 triệu đồng;

Đến ngày 06/9/2019 số nợ xây dựng cơ bản trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được UBND huyện Quỳnh Phụ và các xã, thị trấn cân đối được nguồn trả nợ; do đó huyện Quỳnh Phụ không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ : Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Quỳnh Phụ đầy đủ, đạt yêu cầu so với quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Về số xã đạt chuẩn nông thôn mới

Huyện Quỳnh Phụ có 36/36 xã (đạt 100%) đạt chuẩn nông thôn mới.

2.2. Về thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới: Huyện Quỳnh Phụ đã đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới
Đến ngày 30/6/2019, huyện Quỳnh Phụ không còn nợ xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào kết quả thực hiện, đối chiếu với quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Quỳnh Phụ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. *l.k*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCD th.hiện CTMTQG tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM cấp tỉnh;
- UBND huyện Quỳnh Phụ;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, KTNN. *mh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH
 (Kèm theo Báo cáo số: 114/BC-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Thái Bình)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt		Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã		Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	%	100%	100%	100%
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch		Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ; thuật của cả hệ thống		Đạt	Đạt	Đạt
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia		Đạt	Đạt	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả		Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	%	≥ 60%	60%	60%
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện		Đạt	Đạt	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn		Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến	%	100%	100%	100%

		lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường				
8	An ninh, trật tự XH	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội		Đạt	Đạt	Đạt
9	Chỉ đạo xây dựng NTM	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt	Đạt	Đạt